TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN MÔ – TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 02 /2009//QĐST-HNGĐ	Yên Mô, ngày 2 tháng 01 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 94/2018 /TLST/HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2018 giữa:

* Nguyên đơn: Chị **Mai Thị N** - sinh năm 1993

ĐKNKTT: Xóm B, thôn B, xã Y, huyện Y, Ninh Bình.

* Bị đơn: Anh **Đỗ Văn C** - sinh năm 1987

ĐKNKTT: Xóm Đ, thôn B, xã Y, huyện Y, Ninh Bình.

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 357 Bộ luật dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 12 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 12 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Mai Thị N và anh Đỗ Văn C.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Giao cháu Đỗ Như H sinh ngày 25/7/2012 cho anh Đỗ Văn C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu H thành niên. Chị Mai Thị N có trách nhiệm đóng góp phí tổn nuôi con chung cho anh Đỗ Văn C mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 1/2019 đến khi cháu Đỗ Như H đủ

tuổi thành niên.

Chị N có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu Hchung sống với anh C và có quyền được thăm nom chăm sóc cháu H. Anh C và các thành viên trong gia đình không ai được cản chị N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Kể từ ngày anh C có đơn đề nghị thi hành án; nếu chị N chậm thi hành án thì hàng tháng chị N phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

2.2. Về tài sản chung và công nợ: Chị Mai Thị N, anh Đỗ Văn C đều xác định vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung và không đề nghị Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí: Chị Mai Thị N nộp 150.000.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con. Tổng số tiền án phí chị Mai Thị N phải nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số AA/2016/0002080 ngày 05/12/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Mô.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được ban hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện Yên Mô;
- THADS huyện Yên Mô;
- Các đương sự;
- UBND xã Yên Nhân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hoa